

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **11/2021/DS-ST**

Ngày: 22-3-2021.

V/v “*tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Mút

- Ông Dương Văn Hai

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Văn -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú: Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/2020/TLST–DS ngày 30 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐST –DS ngày 05 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/QĐST –DS ngày 25/02/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/QĐST –DS ngày 10/3/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Minh V, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số 25/5 ấp TM, xã M, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1969. Vắng mặt.

Bà Huỳnh Thị Luyến E, sinh năm 1965. Có mặt.

Anh Nguyễn Hữu C, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: số 103/6 ấp AH, xã M, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thủy Hồng T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 25/5 ấp TM, xã M, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thủy Hồng T: Ông Phạm Minh V, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số 25/5 ấp TM, xã M, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng ông Phạm Minh V đồng thời được sự ủy quyền của bà Phạm Thủy Hồng T trình bày:

Từ năm 2016 ông Nguyễn Văn R và bà Huỳnh Thị Luyến E, anh Nguyễn Hữu C có mua thức ăn, thuốc, hóa chất xử lý của ông; mục đích để nuôi tôm thẻ chân trắng. Khi mua bán hai bên có thỏa thuận; ông sẽ giao thức ăn, thuốc, hóa

chất xử lý cho ông R, bà Luyến E, anh C trước và đến khi thu hoạch tôm xong ông R, bà Luyến E, anh C có nghĩa vụ trả tiền nợ cho ông. Việc mua bán không làm hợp đồng, hai bên thỏa thuận khi giao hàng và kiểm tra ký nhận đầy đủ và ông có viết hóa đơn để theo dõi nợ.

Thời gian đầu ông R, bà Luyến E, anh C trả tiền đầy đủ nhưng đến năm 2019 do nuôi tôm thua lỗ nên ông R, bà Luyến E, anh C không trả nợ đủ cho ông.

Vào ngày 18/6/2019 hai bên có đối chiếu công nợ thì phía ông R, bà Luyến E có ký xác nhận còn nợ ông số tiền 272.156.000 đồng. Từ khi viết biên nhận nợ cho đến nay ông R, bà Luyến E, anh C không trả nợ nêu trên cho ông.

Khoảng tháng 5/2020 ông có khởi kiện ông R, bà Luyến E để yêu cầu ông R, bà Luyến E giao trả cho ông số tiền nêu trên. Khi Tòa án tiến hành hòa giải thì ông R, bà Luyến E và anh C thừa nhận có mua thức ăn của ông để nuôi tôm công nghiệp nhằm phát triển kinh tế gia đình nên đồng ý liên đới trách nhiệm trả nợ cho ông. Đồng thời ông R, bà Luyến E, anh C viết cam kết ngày 01/7/2020 và thỏa thuận trả nợ dần cho ông nên ông tự nguyện rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên từ khi viết giấy cam kết cho đến nay ông R, bà Luyến E, anh C không có trả nợ cho ông như cam kết.

Ngoài ra số tiền ông R, bà Luyến E, anh C nợ ông là tiền chung của ông và vợ ông là bà Thủy.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông R, bà Luyến E, anh C phải liên đới trách nhiệm giao trả ông và bà Thủy một lần số tiền vốn 272.156.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi.

Ông tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện ông R, bà Luyến E, anh C đối với nợ lãi phát sinh từ ngày 01/7/2020 đến ngày 01/3/2021 là 8 tháng với mức lãi suất là 0,83%/tháng, cụ thể: $272.156.000 \text{ đồng} \times 8 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 18.071.158 \text{ đồng}$

Trong quá trình tố tụng bị đơn bà Huỳnh Thị Luyến E trình bày:

Bà thừa nhận vào năm 2016 gia đình bà có mua thức ăn, thuốc, hóa chất xử lý của ông V; mục đích để nuôi tôm thẻ chân trắng của ông V như ông V trình bày.

Vào ngày 18/6/2019 hai bên có đối chiếu công nợ thì phía ông R, bà Luyến E có ký xác nhận thừa nhận còn nợ ông V số tiền 272.156.000 đồng. Từ khi viết biên nhận nợ cho đến nay thì gia đình bà không trả nợ nêu trên cho ông V.

Khoảng tháng 5 năm 2020 ông V có khởi kiện bà và ông R để yêu cầu giao trả cho ông V số tiền nêu trên. Khi Tòa án tiến hành hòa giải thì ông R, bà Luyến E, anh C thừa nhận việc mua thức ăn của ông V là để nuôi tôm nhằm phát triển kinh tế gia đình nên đồng ý liên đới trách nhiệm để trả nợ cho ông V, đồng thời hai bên viết lại cam kết ngày 01/7/2020 tự thỏa thuận cách thức trả nợ cho ông V. Tuy nhiên từ khi viết giấy cam kết cho đến nay ông R, cùng với bà và anh C không có trả nợ cho ông V.

Qua yêu cầu khởi kiện của ông V thì ông R cùng với bà và anh C đồng ý liên đới trách nhiệm giao trả ông V và bà Thủy số tiền vốn 272.156.000 đồng nhưng do hiện nay gia đình rất khó khăn nên bà xin được trả nợ dần; đối với nợ lãi 18.071.158 đồng thì ông V tự nguyện rút yêu cầu thì bà đồng ý.

Gia đình bà có nhận được giấy triệu tập của Tòa án và bà đã thông báo cho ông Nguyễn Văn Rơ, anh Nguyễn Hữu C được biết về việc ông V khởi kiện và thông

náo ngày giờ theo triệu tập của Tòa án cho ông Nguyễn Văn R, anh Nguyễn Hữu C biết nhưng do ông R và anh C đi làm xa không về được nên vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên ông V, bà Luyến E đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng ông R, anh C chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Các đương sự thống nhất bà Luyến E, ông R, anh C còn nợ ông Phạm Minh V số tiền 272.156.000 đồng nhưng không thống nhất cách trả nợ. Do bà Luyến E, ông R, anh C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ông V trong một thời gian dài đã ảnh hưởng đến quyền lợi của ông V nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Bà Huỳnh Thị Luyến E, ông Nguyễn Văn R, anh Nguyễn Hữu C đăng ký thường trú số 103/6 ấp AH, xã M, huyện P, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bà Ông Nguyễn Văn R, anh Nguyễn Hữu C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông R, anh C vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông R, anh C..

[4] Về nội dung vụ án: Ông Phạm Minh V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Luyến E, ông R, anh C phải liên đới trả cho ông V và bà Thủy số tiền vốn 272.156.000 đồng.

[5] Chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện là bản sao bản khai của ông Nguyễn Văn R, bà Huỳnh Thị Luyến E ngày 08/6/2020 và ngày 19/6/2020, biên nhận nợ ngày 18/6/2019, cam kết ngày 01/7/2020. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án bà Luyến E cũng thừa nhận các chứng cứ do ông V cung cấp là đúng; bà Luyến E cũng thừa nhận bà và ông R, anh C có nợ ông V số tiền 272.156.000 đồng và đồng ý liên đới trả cho ông V, bà Thủy tiền nêu trên nên thuộc tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Xét thấy hợp đồng mua bán tài sản giữa anh ông V với bà Luyến E, ông R, anh C được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 116, Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do bà Luyến E, ông R, anh C vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ông V, bà Thủy nên ông V yêu cầu bà Luyến E, ông R, anh C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông và bà Thủy số tiền 272.156.000 đồng là

phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa ông Phạm Minh V tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện ông R, bà Luyến E, anh C đối với nợ lãi là 18.071.158 đồng, xét thấy yêu cầu này của ông V là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét yêu cầu trả nợ dần của bà Luyến E, xét thấy bà Luyến E, ông R, anh C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ông V, bà Thủy trong một thời gian dài đã ảnh hưởng đến quyền lợi của ông V, bà Thủy. Mặc khác tại phiên tòa nguyên đơn cũng không đồng ý với yêu cầu trả nợ dần của bà Luyến E. Do đó yêu cầu của bà Luyến E không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Bà Luyến E, ông R, anh C phải liên đới nộp $272.156.000 \text{ đồng} \times 5\% = 13.607.800 \text{ đồng}$. Do bà Huỳnh Thị Luyến E có cha là liệt sĩ nên được miễn nộp toàn bộ án phí phần của bà Luyến là $\frac{1}{3} \times 13.607.800 \text{ đồng} = 4.535.933 \text{ đồng}$. Phần còn lại Ông R, anh C phải liên đới nộp là 9.071.867 đồng.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh V. Buộc bà Huỳnh Thị Luyến E, ông Nguyễn Văn R, anh Nguyễn Hữu C phải liên đới trách nhiệm giao trả cho ông Phạm Minh V và bà Phạm Thủy Hồng T số tiền 272.156.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh V đối với số tiền 18.071.158 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Luyến E được miễn nộp toàn bộ án phí.

Ông Nguyễn Văn R, anh Nguyễn Hữu C phải liên đới nộp 9.071.867 đồng.

Ông Phạm Minh V được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền 6.974.000 đồng theo biên lai thu số 0003282 ngày 30/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Huỳnh Thị Phê

